

Số /2025/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/7/2019  
và một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 47/2019/QĐ-UBND ngày  
30/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 về quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 về quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 903/SNNMT-TTr ngày 20/8/2025 và Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 2374/BC-STP ngày 19/8/2025; biểu quyết thống nhất của Thành viên UBND tỉnh (thực hiện trên hệ thống điện tử TD và văn bản giấy);*

*Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 và một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 47/2019/QĐ-UBND của UBND tỉnh.*

**Chương I**

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 43/2019/QĐ-UBND  
NGÀY 31/7/2019 CỦA UBND TỈNH QUY ĐỊNH CÁC NGÀNH HÀNG, SẢN  
PHẨM QUAN TRỌNG CẦN KHUYẾN KHÍCH VÀ ƯU TIÊN HỖ TRỢ THỰC  
HIỆN LIÊN KẾT SẢN XUẤT GẮN VỚI TIÊU THỤ SẢN PHẨM, PHÂN CẤP  
PHÊ DUYỆT HỖ TRỢ DỰ ÁN LIÊN KẾT SẢN XUẤT GẮN VỚI TIÊU THỤ  
SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4**

“Điều 4. Quy định phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết thực hiện trên địa bàn từ 02 xã, phường trở lên hoặc dự án có tổng mức đầu tư từ 05 tỷ đồng trở lên.

2. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt hỗ trợ các dự án liên kết trừ các dự án liên kết quy định tại khoản 1 điều này và kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết trên địa bàn.”.

## **Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5**

“Điều 5. Trình tự thủ tục hỗ trợ liên kết

Thực hiện theo điểm a khoản 2 Điều 12 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, khoản 6 Điều 39, Điều 40 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và quy định về thủ tục hành chính tại các Quyết định số 1653/QĐ-UBND tỉnh ngày 29/6/2025, số 1923/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 của UBND tỉnh.”.

## **Chương II**

### **SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUY ĐỊNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 47/2019/QĐ-UBND NGÀY 30/8/2019 CỦA UBND TỈNH BAN HÀNH QUY ĐỊNH CÔNG NHẬN NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH**

## **Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4**

“2. Trình tự xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn và khoản 1 Điều 39 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.”.

## **Điều 4. Thay thế một số cụm từ tại Điều 6, Điều 7**

Thay thế cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường”; thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã”.

## **Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 8**

“Điều 8. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Lập danh sách các nghề, làng nghề đủ tiêu chí và lập hồ sơ đề nghị công nhận; trình cơ quan thường trực Hội đồng xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

2. Định kỳ 06 tháng, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường về kết quả kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận và các nghề, làng nghề khác trên địa bàn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.”.

### **Chương III**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

##### **Điều 6. Điều khoản viện dẫn**

Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản mới được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

##### **Điều 7. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 9 năm 2025.
2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

##### **Nơi nhận:**

- Như Điều 7;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ TN và MT;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH-HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công TTĐT tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL<sub>5</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hồng Lĩnh**